

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **390** /2021/HNGĐ - ST

Ngày: 21/12/2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

2. Ông **Nguyễn Đại Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 295/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1958

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Th**, sinh năm 1957

HKTT: Xóm 6, xã Ph Ph, huyện Ba Vì, Hà Nội

(Ông B có mặt, bà Th xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai ông Đỗ Văn B trình bày: Ông kết hôn với bà Lê Thị Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph Ph ngày 10/3/1979 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau. Cuộc sống vợ chồng ngay từ đầu đã không hạnh phúc nhưng vẫn cố gắng sống với nhau vì các con còn nhỏ. Đến điểm đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, sống không có tình cảm, không quan tâm, không chia sẻ được với nhau. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ ngày 02/3/2021 cho đến nay. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Th.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2021, bà Lê Thị Th trình bày: Bà kết hôn với ông B ngày 10/3/1979, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph Ph trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã Ph Ph. Chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Th bị ốm, ông B đi cặp bồ, ngoại tình, cờ bạc, bỏ mặc bà Th, không quan tâm, chăm sóc bà Th. Bà Th đã ra ở riêng, sống cùng con trai là anh Đỗ Thanh T. Vợ chồng bà đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ khoảng cuối năm 2020 cho đến nay. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tuy nhiên ông B xin ly hôn bà không đồng ý vì ông bà đã tuổi cao, phải sống vì con cháu. Nếu ông B kiên quyết ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông B, bà Th đều thừa nhận có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 28/01/1980 và Đỗ Anh H, sinh ngày 10/9/1990. Hiện các cháu đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Ông B, bà Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có.

Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ chính quyền địa phương xã Ph Ph xác nhận: Bà Th có hộ khẩu thường trú tại xã Ph Ph, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Ông B và bà Th kết hôn ngày 10/3/1979, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph Ph. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã Ph Ph. Chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Qua dư luận chính quyền địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng ông B và bà Th đã ly thân từ khoảng cuối năm 2020 cho đến nay. Nay ông B xin ly hôn bà Th, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung: có 02 con chung như ông B, bà Th trình bày. Hiện hai cháu đã trưởng thành và không có nhược điểm gì về thể chất và tâm thần.

Bà Th có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Đỗ Văn B đối với bà Lê Thị Th.

Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn B, cho ông Đỗ Văn B được ly hôn bà Lê Thị Th. Về con chung: có 02 con chung là: Đỗ Thanh T, sinh ngày 28/01/1980 và Đỗ Anh H, sinh ngày 10/9/1990. Hiện các cháu đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Công nợ: không có. Về án phí: ông Đỗ Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Th là bị đơn có HKTT tại xã Ph Ph, huyện Ba Vì, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông B và bà Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Việc bà Th muốn đoàn tụ không phải xuất phát từ việc còn tình cảm với ông B mà vì muốn sống cho con cháu. Cả ông B và bà Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân phải là tự nguyện, không thể ép buộc. Ông B và bà Th đã ly thân được khoảng 01 năm nay, hai bên không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho ông B được ly hôn bà Th là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: có 2 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 28/01/1980 và Đỗ Anh H, sinh ngày 10/9/1990. Hiện hai cháu đã trưởng thành và không có nhược điểm gì về thể chất và tâm thần.

[4] Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[5] Tài sản riêng, công sức, công nợ: Không có. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Án phí: Ông B tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn B đối với bà Lê Thị Th. Cho ông Đỗ Văn B được ly hôn bà Lê Thị Th.

2. Về con chung: có 2 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 28/01/1980 và Đỗ Anh H, sinh ngày 10/9/1990. Hiện hai cháu đã trưởng thành và không có nhược điểm gì về thể chất và tâm thần.

3. Về tài sản chung; Chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Tài sản riêng, công sức, công nợ: Không có.

5. Về án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0059747 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Ông B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ph Ph;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thu Hương

